TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2021/ HNGĐ-ST
Ngày 14-5-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông.

2. Ông Hồ Đắc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1130/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Lê Ánh Q, cư trú tại: Số nhà X, đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Anh H, cư trú tại: Số nhà Y, đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Lê Ánh Q trình bày:

Chị và anh Lê Anh H tìm hiểu nhau 01 năm mới tổ chức đám cưới vào ngày 06-01-2017, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T vào ngày 12-6-2017. Trong thời gian chung sống, anh H không lo làm ăn mà lao vào cá độ đá bóng làm ảnh hưởng đến gia đình 02 bên; anh H không gửi tiền để nuôi con, không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Sau khi sinh con, chị đã ra ở riêng đến

năm 2019 quay về lại sống chung, được 01 tháng nhưng không hòa hợp nên ly thân từ đó đến nay được 02 năm, không còn liên lạc với nhau. Cho nên, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có 01 con chung là Lê Hoàng Ngọc Q (sinh ngày 28-7-2017), sức khỏe bình thường, đang ở với mẹ. Khi ly hôn, chị xin nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; vợ chồng chị không có khoản nợ chung nào. Hiện tại, sức khỏe của chị bình thường, không có mang thai; chị mua bán cà phê tại nhà, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng/tháng, còn anh H làm nghề tài xế, thu nhập bao nhiêu chị không rõ.

* Bị đơn anh Lê Anh H đã được Tòa án tống đạt thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, không cung cấp lời khai và chứng cứ.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, còn bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Lê Ánh Q, giao con chung là cháu Lê Hoàng Ngọc Q cho chị Q nuôi, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q cho đến khi cháu trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Trần Lê Ánh Q yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung. Cho nên, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý và đưa ra xét xử vụ án dân sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Lê Anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Cho nên, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Q và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T vào ngày 12-6-2017, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị Q và anh H là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Q khai là do anh H không lo làm ăn, ham mê cá độ bóng đá, không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Mâu thuẫn xảy ra đến mức chị Q đã gửi đơn ly hôn ra Tòa vào tháng 11-2019. Được sự động viên, hòa giải của gia đình 02 bên nên chị Q đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn. Tuy nhiên, từ đó đến nay, quan hệ giữa chị Q và anh H chẳng những không được cải thiện mà càng trở nên xa cách. Qua xác minh tại địa phương cho thấy chị Q, anh H đã ly thân

mỗi người sống mỗi nơi, không còn trách nhiệm với nhau từ 02 năm nay. Tòa đã nhiều lần triệu tập, thông báo nhưng anh H không đến Tòa để trình bày ý kiến, nguyện vọng, có ý thức bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân của mình. Xét tình trạng hôn nhân của chị Q, anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận cho chị Q và anh H được ly hôn.

[4] Chị Q và anh H có 01 con chung là Lê Hoàng Ngọc Q - sinh ngày 28-7-2017. Từ nhỏ cháu Q đã ở với chị Q, được chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay sức khỏe bình thường. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Q, Tòa chấp nhận nguyện vọng của chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q và anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q hàng tháng với mức 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 5-2021 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung, do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Q phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh H phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Lê Ánh Q và anh Lê Anh H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Lê Hoàng Ngọc Q (sinh ngày 28-7-2017) cho chị Trần Lê Ánh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Anh Lê Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi cháu Q mỗi tháng là 2.000.000 đồng, kể từ tháng 5-2021 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chị Trần Lê Ánh Q phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003183 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3.2. Anh Lê Anh H phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND xã P, huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Trần Duyên Anh